

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 4 - 2024

V/v tranh chấp yêu cầu không công
nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Trương Thoại Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hứa Văn B, sinh năm 19xx

Địa chỉ: ấp Đ, xã HDK, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 19XX

Địa chỉ: ấp Đ1, xã HDK, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2023 của nguyên đơn là ông Hứa Văn B và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn Hứa Văn B và bị đơn là bà Nguyễn Thị Th chung sống với nhau vào năm 1989, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, nhưng không đi

đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi đám cưới hai vợ chồng sống chung tại ấp Đ, xã HĐK, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu ông bà chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung tên Hứa Văn T, sinh ngày 22/6/19xx và Hứa Hoài Th, sinh ngày 01/01/19xx. Tuy nhiên, đến khoảng thời gian gần đây ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên nguyên đơn B yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ sống chung giữa ông và bị đơn là bà Nguyễn Thị Th là vợ chồng.

Về con chung: Hai người con tên Hứa Văn T, sinh ngày 22/6/19xx và Hứa Hoài Th, sinh ngày 01/01/19xx đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Hứa Văn B đã nộp bản chính Giấy xác nhận về việc trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân xã HĐK, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng ngày 27 tháng 12 năm 2023 và Bản sao Giấy khai sinh của anh Hứa Văn T và anh Hứa Hoài Th.

* Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bị đơn thừa nhận những lời trình bày của nguyên đơn B về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và trong quá trình chung sống có hai người con chung là Hứa Văn T, sinh ngày 22/6/19xx và Hứa Hoài Th, sinh ngày 01/01/19xx hiện các con đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, là hoàn toàn đúng sự thật. Ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn B, bị đơn không có ý kiến đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn là ông Hứa Văn B và bị đơn bà Nguyễn Thị Th đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Văn B, về việc yêu cầu không công nhận quan hệ sống chung giữa ông và bị đơn là bà Nguyễn Thị Th là vợ chồng, về con chung có hai người con chung là anh Hứa Văn T, sinh ngày 22/6/19xx và Hứa Hoài Th, sinh ngày 01/01/19xx, hiện đã

trưởng thành có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Nhận thấy các yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, về tài sản chung các đương sự đều trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung các đương sự đều tự trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 29 tháng 12 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hứa Văn B lập ngày 21 tháng 11 năm 2023 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn B nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn B và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2023 ông Hứa Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà Nguyễn Thị Th và bà Th cư trú tại địa chỉ ấp Đ1, xã HĐK, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Hứa Văn B trình bày về quan hệ hôn nhân và con chung giữa các đương sự như sau: Nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Thị Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989, không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nguyên đơn và bị đơn có chung với nhau 02 (hai) người con chung là anh Hứa Văn T, sinh ngày 22/6/19xx và anh Hứa Hoài Th, sinh ngày 01/01/19xx. LỜI trình bày nêu trên của nguyên đơn B phù hợp với đơn xin xác nhận đề ngày 27 tháng 12 năm 2023 của nguyên đơn và giấy khai sinh của anh T và anh Th mà nguyên đơn B đã cung cấp cho Tòa án và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vì vậy, theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên*

đương sự đó không phải chứng minh” nên Hội đồng xét xử xác định các tình tiết này là sự thật.

[3] Trong quá trình sống chung, ông Hứa Văn B và bà Nguyễn Thị Th có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại phiên tòa, ông B và bà Th đều thừa nhận trong thời gian chung sống như vợ chồng cho đến nay ông bà vẫn không đăng ký kết hôn và cũng tại Giấy xác nhận trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân xã HĐK đề ngày 27 tháng 12 năm 2023 đã xác nhận từ năm 1989 đến nay ông B và bà Th vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Theo điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì: “Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”. Nên việc ông Hứa Văn B và bà Nguyễn Thị Th yêu cầu không công nhận quan hệ giữa ông và bà Nguyễn Thị Th là vợ chồng là có căn cứ.

[4] Do quan hệ giữa ông Hứa Văn B và bà Nguyễn Thị Th không được công nhận là vợ chồng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết vấn đề mức độ và nguyên nhân mâu thuẫn trong thời gian chung sống theo yêu cầu của ông B.

[5] Về con chung là anh Hứa Văn T, sinh ngày 22/6/19xx và anh Hứa Hoài Th, sinh ngày 01/01/19xx đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động; về tài sản chung ông Hứa Văn B và bà Nguyễn Thị Th tự thỏa thuận, còn nợ chung tại phiên tòa ông B và bà Th đều tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Văn B và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

[7] Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39,

Điều 147, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Văn B:

1.1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hứa Văn B và bà Nguyễn Thị Th.

1.2. Về con chung: Do anh Hứa Văn T và anh Hứa Hoài Th đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

1.3. Về tài sản chung: Ông Hứa Văn B và bà Nguyễn Thị Th tự thỏa thuận nên không giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Hứa Văn B và bà Nguyễn Thị Th đều tự trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hứa Văn B phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000738 ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Sóc Trăng. Ông B đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Hứa Văn B và bà Nguyễn Thị Th có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST;
- VKSND H. CT;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. CT;
- UBND xã HĐK;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ